

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Ngày thi: 16/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: P. Thanh Quỳ Ký tên: _____

Giám thị 2: T. V. Long Ký tên: Long

Giám thị 3: Cao Thế Oanh Ký tên: TO

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	24/11/2001	<u>Tran</u>		6.5	Sáu rưỡi	C22CK2	
2	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002	<u>Anh</u>		6.5	Sáu rưỡi	C22CK1	
3	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002	<u>Anh</u>		6.0	Sáu	C22CK3	
4	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	<u>VT</u>		VT	/	C22CK1	
5	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002	<u>Quoc</u>		6.0	Sáu	C22CK2	
6	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002	<u>VT</u>		VT	/	C22CK2	
7	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001	<u>Binh</u>		6.0	Sáu	C22CK3	
8	2010040057	Đặng Nguyễn Việt Chương	26/06/2002	<u>Chuong</u>		4.5	Bốn rưỡi	C22CK3	
9	2010040002	Nguyễn Minh Cường	31/01/2002	<u>Cuong</u>		4.5	Bốn rưỡi	C22CK1	
10	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	13/06/2002	<u>Duy</u>		9.0	Chín	C22CK3	
11	2010040065	Phan Thái Dương	13/02/2002	<u>VT</u>		VT	/	C22CK3	
12	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002	<u>Dat</u>		6.0	Sáu	C22CK3	
13	2010040054	Nguyễn Thanh Đương	24/08/2002	<u>Duong</u>		4.0	Bốn	C22CK3	
14	2010040007	Nguyễn Thành Được	11/01/2002	<u>VT</u>		VT	/	C22CK1	
15	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002	<u>Hao</u>		5.0	Năm	C22CK2	
16	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001	<u>Hau</u>		6.5	Sáu rưỡi	C22CK2	
17	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002	<u>Huong</u>		6.0	Sáu	C22CK2	
18	2010040009	Phạm Xuân Hòa	13/08/2002	<u>VT</u>		VT	/	C22CK1	
19	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001	<u>Huy</u>		6.5	Sáu rưỡi	C22CK1	
20	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002	<u>Huy</u>		5.5	Năm rưỡi	C22CK2	
21	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002	<u>Hung</u>		7.0	Bảy	C22CK2	
22	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002	<u>Kha</u>		4.0	Bốn	C22CK1	
23	2010040074	Lê Tuấn Khanh	02/08/2002	<u>Khanh</u>		5.0	Năm	C22CK3	
24	2010040040	Nguyễn Vũ Khoa	06/09/2002	<u>Khoa</u>		7.0	Bảy	C22CK2	
25	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001	<u>Khuong</u>		5.0	Năm	C22CK2	
26	2010040016	Trà Anh Kiệt	21/01/2002	<u>Kiet</u>		6.0	Sáu	C22CK1	
27	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001	<u>Lac</u>		7.0	Bảy	C22CK1	
28	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002	<u>Liem</u>		5.0	Năm	C22CK3	
29	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002	<u>Linh</u>		5.5	Năm rưỡi	C22CK2	
30	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002	<u>Linh</u>		5.0	Năm	C22CK3	
31	2010040015	Trần Khánh Linh	12/04/2000	<u>VT</u>		VT	/	C22CK1	
32	2010040079	Trần Nhật Long	11/05/2002	<u>Long</u>		6.5	Sáu rưỡi	C22CK3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002			4.5	Bốn nửa	C22CK2	
34	2010040064	Nguyễn Quang Tấn Lợi	09/05/2002			6.0	Sáu	C22CK3	
35	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002			4.5	Bốn nửa	C22CK2	
36	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002			5.0	Năm	C22CK2	
37	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001			6.0	Sáu	C22CK1	
38	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002			6.0	Sáu	C22CK3	
39	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002			4.5	Bốn nửa	C22CK3	
40	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002			8.0	Tám	C22CK3	
41	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002			6.0	Sáu	C22CK1	
42	2010040020	Huỳnh Chí Nguyên	30/01/2002			5.5	Năm nửa	C22CK1	
43	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002			6.5	Sáu nửa	C22CK2	
44	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000			4.5	Bốn nửa	C22CK1	
45	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000			4.5	Bốn nửa	C22CK3	
46	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001			VT	/	C22CK3	
47	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001			5.5	Năm nửa	C22CK1	
48	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002			5.5	Năm nửa	C22CK3	
49	2010040069	Lưu Chí Tài	24/04/2002			5.0	Năm	C22CK3	
50	2010040003	Trần Quốc Thanh	02/06/2002			VT	/	C22CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 42 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 42 / 1 / 42
Số sinh viên đạt: 42 Tỷ lệ đạt: 100%

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CD

PH
KHẢO TH

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 19 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thị Vành

KHẢO THI VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Ngày thi: 16/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: N.T. Nguyệt Nga Ký tên: N.T. Nguyệt Nga

Giám thị 2: Trần Thị Ngọc Ký tên: Trần Thị Ngọc

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002	<u>Thanh</u>		6.5	Sáu rưỡi	C22CK2	
2	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002	<u>Thanh</u>		5.0	Năm	C22CK3	
3	2010040071	Phạm Hoàng Thái	11/12/2002	<u>Thái</u>		5.0	Năm	C22CK3	
4	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002	<u>Thạch</u>		4.5	Bốn rưỡi	C22CK2	
5	2010040039	Nguyễn Văn Thiện	23/06/2002	<u>Thiện</u>		5.0	Năm	C22CK2	
6	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002	<u>Thịnh</u>		5.5	Năm rưỡi	C22CK3	
7	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002	<u>Thịnh</u>		4.5	Bốn rưỡi	C22CK2	
8	2010040028	Nguyễn Minh Tiến	29/10/2002	<u>Tiến</u>		4.5	Bốn rưỡi	C22CK2	
9	2010040037	Trần Văn Tinh	15/04/2001	<u>Tinh</u>		4.5	Bốn rưỡi	C22CK2	
10	2010040013	Trần Trung Tín	08/01/2002	<u>Tín</u>		5.0	Năm	C22CK1	
11	2010040052	Phạm Minh Toàn	02/08/2002	<u>Toàn</u>		6.5	Sáu rưỡi	C22CK3	
12	2010040043	Nguyễn Minh Triết	25/10/2002	<u>Triết</u>		7.0	Bảy	C22CK2	
13	2010040001	Huỳnh Hữu Trí	26/05/2002	<u>Trí</u>		8.0	Tám	C22CK1	
14	2010040055	Ksor Quang Trung	07/01/2002	<u>Trung</u>		6.0	Sáu	C22CK3	
15	2010100106	Trần Minh Trung	12/08/2002	<u>Trung</u>		8.0	Tám	C22CK3	
16	2010040048	Đào Hải Trường	18/09/2002	<u>Trường</u>		4.5	Bốn rưỡi	C22CK2	
17	2010040019	Phan Tấn Trường	08/05/2002	<u>Trường</u>		5.0	Năm	C22CK1	
18	2010040006	Nguyễn Thanh Tùng	19/02/2002	<u>Tùng</u>		4.5	Bốn rưỡi	C22CK1	
19	2010040035	Nguyễn Thanh Tùng	29/07/2002	<u>Tùng</u>		8.0	Tám	C22CK2	
20	2010040024	Đặng Quang Vinh	07/12/2002	<u>Vinh</u>		6.0	Sáu	C22CK1	
21	2010040076	Nguyễn Tuấn Vũ	26/02/2002	<u>Vũ</u>		6.5	Sáu rưỡi	C22CK3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 21 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 21 / 21

Số sinh viên đạt: 21 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 16 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh 104



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sai	C22CK1	
2	2010040002	Nguyễn Minh Cường	31/01/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Đúng	C22CK1	
3	2010040007	Nguyễn Thành Được	11/01/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sai	C22CK1	
4	2010040009	Phạm Xuân Hòa	13/08/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sai	C22CK1	
5	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001	<u>[Signature]</u>	5.0	Nam	C22CK1	
6	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Đúng	C22CK1	
7	2010040016	Trà Anh Kiệt	21/01/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sai	C22CK1	
8	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001	<u>[Signature]</u>	6.0	Sai	C22CK1	
9	2010040015	Trần Khánh Linh	12/04/2000	<u>[Signature]</u>	6.0	Sai	C22CK1	
10	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001	<u>[Signature]</u>	5.0	Nam	C22CK1	
11	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sai	C22CK1	
12	2010040020	Huỳnh Chí Nguyên	30/01/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Nam	C22CK1	
13	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000	<u>[Signature]</u>	6.0	Sai	C22CK1	
14	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001	<u>[Signature]</u>	7.5	Đúng	C22CK1	
15	2010040003	Trần Quốc Thanh	02/06/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Nam	C22CK1	
16	2010040013	Trần Trung Tín	08/01/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Đúng	C22CK1	
17	2010040001	Huỳnh Hữu Trí	26/05/2002	<u>[Signature]</u>	6.5	Sai	C22CK1	
18	2010040019	Phan Tấn Trường	08/05/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Nam	C22CK1	
19	2010040006	Nguyễn Thanh Tùng	19/02/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Nam	C22CK1	
20	2010040024	Đặng Quang Vinh	07/12/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Đúng	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 0 . Số bài thi: 20 / 20 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 20 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 14 tháng 3 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Cao Thế Oanh

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Giám thị 1: Cao Thị Oanh Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002	<u>Anh</u>	6.0	Sáu	C22CK1	
2	2010040002	Nguyễn Minh Cường	31/01/2002	<u>Cường</u>	7.5	Bảy năm	C22CK1	
3	2010040007	Nguyễn Thành Được	11/01/2002	<u>Được</u>	6.0	Sáu	C22CK1	
4	2010040009	Phạm Xuân Hòa	13/08/2002	<u>Hòa</u>	6.0	Sáu	C22CK1	
5	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001	<u>Huy</u>	5.0	Năm	C22CK1	
6	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002	<u>Kha</u>	7.0	Bảy	C22CK1	
7	2010040016	Trà Anh Kiệt	21/01/2002	<u>Kiệt</u>	6.0	Sáu	C22CK1	
8	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001	<u>Lạc</u>	6.0	Sáu	C22CK1	
9	2010040015	Trần Khánh Linh	12/04/2000	<u>Linh</u>	6.0	Sáu	C22CK1	
10	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001	<u>Luân</u>	5.0	Năm	C22CK1	
11	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002	<u>Nghĩa</u>	6.0	Sáu	C22CK1	
12	2010040020	Huỳnh Chí Nguyên	30/01/2002	<u>Nguyên</u>	5.0	Năm	C22CK1	
13	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000	<u>Nở</u>	6.0	Sáu	C22CK1	
14	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001	<u>Quỳnh</u>	7.5	Bảy năm	C22CK1	
15	2010040003	Trần Quốc Thanh	02/06/2002	<u>Thanh</u>	5.0	Năm	C22CK1	
16	2010040013	Trần Trung Tín	08/01/2002	<u>Tín</u>	7.0	Bảy	C22CK1	
17	2010040001	Huỳnh Hữu Trí	26/05/2002	<u>Trí</u>	6.5	Sáu năm	C22CK1	
18	2010040019	Phan Tấn Trường	08/05/2002	<u>Trường</u>	5.0	Năm	C22CK1	
19	2010040006	Nguyễn Thanh Tùng	19/02/2002	<u>Tùng</u>	5.0	Năm	C22CK1	
20	2010040024	Đặng Quang Vinh	07/12/2002	<u>Vinh</u>	7.5	Bảy năm	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 0 . Số bài thi: 20 / 20 .Số sinh viên đạt/không đạt: 20 / 0Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày: 11 tháng 8 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]**ThS. Phạm Văn Dũng**Ngày: 19 tháng 8 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Cao Thị Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: SH

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	21/11/2001	<u>Trường</u>	7,5	Bảy năm	C22CK2	
2	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002	<u>Bảo</u>	5,5	Năm năm	C22CK2	
3	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002	<u>Phan</u>	5.0	Năm	C22CK2	
4	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002	<u>Phan</u>	7.0	Bảy	C22CK2	
5	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001	<u>Hậu</u>	8.0	Tám	C22CK2	
6	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002	<u>Hoàng</u>	7,5	Bảy năm	C22CK2	
7	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002	<u>Huy</u>	5,5	Năm năm	C22CK2	
8	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002	<u>Hùng</u>	7,5	Bảy năm	C22CK2	
9	2010040040	Nguyễn Vũ Khoa	06/09/2002	<u>Khoa</u>	7.0	Bảy	C22CK2	
10	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001	<u>Khương</u>	5.0	Năm	C22CK2	
11	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002	<u>Linh</u>	7.0	Bảy	C22CK2	
12	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002	<u>Lộc</u>	5.0	Năm	C22CK2	
13	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002	<u>Lợi</u>	5.0	Năm	C22CK2	
14	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002	<u>Lợi</u>	5.0	Năm	C22CK2	
15	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002	<u>Nhân</u>	5.0	Năm	C22CK2	
16	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002	<u>Thành</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
17	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002	<u>Thạch</u>	5.0	Năm	C22CK2	
18	2010040039	Nguyễn Văn Thiện	23/06/2002	<u>Thiện</u>	6.0	Sáu	C22CK2	
19	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002	<u>Thịnh</u>	8.0	Tám	C22CK2	
20	2010040028	Nguyễn Minh Tiến	29/10/2002	<u>Tiến</u>	6.0	Sáu	C22CK2	
21	2010040037	Trần Văn Tinh	15/04/2001	<u>Tinh</u>	5.0	Năm	C22CK2	
22	2010040043	Nguyễn Minh Triết	25/10/2002	<u>Triết</u>	6.5	Sáu năm	C22CK2	
23	2010040048	Đào Hải Trường	18/09/2002	<u>Trường</u>	5.0	Năm	C22CK2	
24	2010040035	Nguyễn Thanh Tùng	29/07/2000	<u>Tùng</u>	6.5	Sáu năm	C22CK2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0 Số bài thi: 24 / 24Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày 11 tháng 3 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	21/11/2001	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
2	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C22CK2	
3	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
4	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C22CK2	
5	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám	C22CK2	
6	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
7	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm năm	C22CK2	
8	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
9	2010040040	Nguyễn Vũ Khoa	06/09/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C22CK2	
10	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
11	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002	<u>[Signature]</u>	7.0	Bảy	C22CK2	
12	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
13	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
14	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
15	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
16	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy năm	C22CK2	
17	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
18	2010040039	Nguyễn Văn Thiện	23/06/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C22CK2	
19	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám	C22CK2	
20	2010040028	Nguyễn Minh Tiến	29/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.0	Sáu	C22CK2	
21	2010040037	Trần Văn Tinh	15/04/2001	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
22	2010040043	Nguyễn Minh Triết	25/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C22CK2	
23	2010040048	Đào Hải Trường	18/09/2002	<u>[Signature]</u>	5.0	Năm	C22CK2	
24	2010040035	Nguyễn Thanh Tùng	29/07/2000	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu năm	C22CK2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0 Số bài thi: 24 / 24Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0Tỷ lệ đạt: 100,00 %Ngày 11 tháng 3 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Giám thị 1: Cao Thị Oanh Ký tên:

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002		5.5	Năm năm	C22CK3	
2	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001		6.0	Sáu	C22CK3	
3	2010040057	Đặng Nguyễn Việt Chương	26/06/2002		6.0	Sáu	C22CK3	
4	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	13/06/2002		8.0	Tám	C22CK3	
5	2010040065	Phan Thái Dương	13/02/2002		6.0	Sáu	C22CK3	
6	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002		5.0	Năm	C22CK3	
7	2010040054	Nguyễn Thanh Dương	24/08/2002		5.0	Năm	C22CK3	
8	2010040074	Lê Tuấn Khanh	02/08/2002		7.0	Bảy	C22CK3	
9	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002		6.0	Sáu	C22CK3	
10	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002		6.0	Sáu	C22CK3	
11	2010040064	Nguyễn Quang Tấn Lợi	09/05/2002		6.0	Sáu	C22CK3	
12	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002		5.0	Năm	C22CK3	
13	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002		5.5	Năm năm	C22CK3	
14	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002		7.5	Bảy năm	C22CK3	
15	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000		7.0	Bảy	C22CK3	
16	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001		8.0	Tám	C22CK3	
17	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002		5.0	Năm	C22CK3	
18	2010040069	Lưu Chí Tài	24/04/2002		8.0	Tám	C22CK3	
19	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002		5.5	Năm năm	C22CK3	
20	2010040071	Phạm Hoàng Thái	11/12/2002		8.0	Tám	C22CK3	
21	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002		7.0	Bảy	C22CK3	
22	2010040052	Phạm Minh Toàn	02/08/2002		7.5	Bảy năm	C22CK3	
23	2010040055	Ksor Quang Trung	07/01/2002		7.0	Bảy	C22CK3	
24	2010100106	Trần Minh Trung	12/08/2002		6.5	Sáu năm	C22CK3	
25	2010040076	Nguyễn Tuấn Vũ	26/02/2002		5.5	Năm năm	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0. Số bài thi: 25 / 25.

Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 0

Tỷ lệ đạt: 100.00 %

Ngày: 11 tháng 5 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 11 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thị Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Giám thị 1: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____

Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002	Anh	5.5	Năm nữa	C22CK3	
2	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001	Bình	6.0	Sáu	C22CK3	
3	2010040057	Đặng Nguyễn Việt	26/06/2002	Chuong	6.0	Sáu	C22CK3	
4	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh	13/06/2002	Thanh	8.0	Tám	C22CK3	
5	2010040065	Phan Thái	13/02/2002	Thái	6.0	Sáu	C22CK3	
6	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002	Đạt	5.0	Năm	C22CK3	
7	2010040054	Nguyễn Thanh	24/08/2002	Duong	5.0	Năm	C22CK3	
8	2010040074	Lê Tuấn Khanh	02/08/2002	Khanh	7.0	Bảy	C22CK3	
9	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002	Liem	6.0	Sáu	C22CK3	
10	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002	Linh	6.0	Sáu	C22CK3	
11	2010040064	Nguyễn Quang Tấn	09/05/2002	Tan	6.0	Sáu	C22CK3	
12	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002	Mạnh	5.0	Năm	C22CK3	
13	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002	Phi	5.5	Năm nữa	C22CK3	
14	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002	Nam	7.5	Bảy nữa	C22CK3	
15	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000	Phat	7.0	Bảy	C22CK3	
16	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001	Quen	8.0	Tám	C22CK3	
17	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002	Sang	5.0	Năm	C22CK3	
18	2010040069	Lưu Chí Tài	24/04/2002	Tai	8.0	Tám	C22CK3	
19	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002	Thanh	5.5	Năm nữa	C22CK3	
20	2010040071	Phạm Hoàng Thái	11/12/2002	Thai	8.0	Tám	C22CK3	
21	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002	Thinh	7.0	Bảy	C22CK3	
22	2010040052	Phạm Minh Toàn	02/08/2002	Toan	7.5	Bảy nữa	C22CK3	
23	2010040055	Ksor Quang Trung	07/01/2002	Trung	6.5	Sáu nữa	C22CK3	
24	2010100106	Trần Minh Trung	12/08/2002	Trung	6.5	Sáu nữa	C22CK3	
25	2010040076	Nguyễn Tuấn Vũ	26/02/2002	Vu	5.5	Năm nữa	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 0 . Số bài thi: 25 / 25 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 0

Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

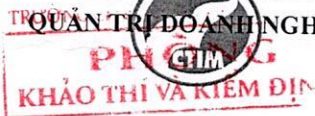
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Cao Thế Oanh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	<u>Bao</u>	<u>6.0</u>	<u>Sah</u>	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , 50 %

Ngày: 19 tháng 3 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 19 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	<u>Bảo</u>	<u>6.0</u>	<u>Sah</u>	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 / 1 .Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 0Tỷ lệ đạt: 100.00 %Ngày: 19 tháng 5 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 19 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Cao Thế Oanh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên:

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040079	Trần Nhật Long	11/05/2002		5.0	Năm	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 0Tỷ lệ đạt: 100 , 00 %Ngày: 11 tháng 5 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn DũngNgày: 11 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆPPHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : An toàn lao động - MH1102126

Mã lớp học phần: MH110212601

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040079	Trần Nhật Long	11/05/2002	<u>Long</u>	<u>5</u>	<u>Năm</u>	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 / 1 .Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / 1 / 0Tỷ lệ đạt: 100.00 %Ngày: 14 tháng 3 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]**ThS. Phạm Văn Dũng**Ngày: 15 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Cao Thế Oanh